

Số: /2021/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 113/2017/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận quy định chế độ tiền thưởng thành tích thi đua thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 110/2020/NĐ-CP ngày 15/9/2020 của Chính phủ quy định chế độ tiền thưởng đối với học sinh, sinh viên, học viên đoạt giải trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 338/TTr-SNV ngày 29 tháng 01 năm 2021 và Báo cáo kết quả thẩm định số 117/BC-STP ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 113/2017/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận quy

định chế độ tiền thưởng thành tích thi đua thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, cụ thể như sau:

Khoản 7 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“7. Mức tiền thưởng khuyến khích (không bao gồm chế độ khen thưởng quy định tại Nghị định số 110/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ):

7.1. Các tập thể, cá nhân đạt giải cấp Quốc gia hoặc bộ ngành trung ương tổ chức trên phạm vi toàn quốc do Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh thống nhất cử tham gia trong lĩnh vực: Giáo dục và Đào tạo, Văn học nghệ thuật, Khoa học kỹ thuật, Văn hóa tư tưởng và một số ngành khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

a) Huy chương Vàng hoặc giải Nhất: Mức tiền thưởng 2,5 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân.

b) Huy chương Bạc hoặc giải Nhì: Mức tiền thưởng 1,5 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân.

c) Huy chương Đồng hoặc giải Ba: Mức tiền thưởng 1,0 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân.

d) Giải Khuyến khích: Mức tiền thưởng 0,7 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân.

đ) Mức tiền thưởng đối với tập thể gấp 2 lần mức tiền thưởng của cá nhân.

7.2. Các tập thể, cá nhân đạt giải tại các kỳ thi quốc tế hoặc thế giới do Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh thống nhất cử tham gia trong lĩnh vực: Giáo dục và Đào tạo, Văn học nghệ thuật, Khoa học kỹ thuật và một số ngành khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

a) Huy chương Vàng hoặc giải Nhất: Mức tiền thưởng 10,0 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân.

b) Huy chương Bạc hoặc giải Nhì: Mức tiền thưởng 7,0 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân.

c) Huy chương Đồng hoặc giải Ba: Mức tiền thưởng 5,0 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân.

d) Giải Khuyến khích: Mức tiền thưởng 2,0 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân.

đ) Mức tiền thưởng đối với tập thể gấp 2 lần mức tiền thưởng của cá nhân.

7.3. Các tập thể, cá nhân đạt giải tại các kỳ thi Châu Á do Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh thống nhất cử tham gia trong lĩnh vực: Giáo dục và Đào tạo, Văn học nghệ thuật, Khoa học kỹ thuật và một số ngành khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

a) Huy chương Vàng hoặc giải Nhất: Mức tiền thưởng 7,0 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân.

b) Huy chương Bạc hoặc giải Nhì: Mức tiền thưởng 5,0 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân.

c) Huy chương Đồng hoặc giải Ba: Mức tiền thưởng 2,0 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân.

d) Giải Khuyến khích: Mức tiền thưởng 1,5 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân.

đ) Mức tiền thưởng đối với tập thể gấp 2 lần mức tiền thưởng của cá nhân.

7.4. Các tập thể, cá nhân đạt giải tại các kỳ thi Đông Nam Á do Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh thống nhất cử tham gia trong lĩnh vực: Giáo dục và Đào tạo, Văn học nghệ thuật, Khoa học kỹ thuật và một số ngành khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

a) Huy chương Vàng hoặc giải Nhất: Mức tiền thưởng 5,0 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân.

b) Huy chương Bạc hoặc giải Nhì: Mức tiền thưởng 2,0 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân.

c) Huy chương Đồng hoặc giải Ba: Mức tiền thưởng 1,5 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân.

d) Giải Khuyến khích: Mức tiền thưởng 1,0 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân.

đ) Mức tiền thưởng đối với tập thể gấp 2 lần mức tiền thưởng của cá nhân.

7.5. Giáo viên bồi dưỡng học sinh giỏi, tay nghề giỏi, huấn luyện viên huấn luyện các tập thể, cá nhân, đạo diễn nghệ thuật các tập thể, cá nhân tham gia thi đạt Huy chương Vàng, Bạc, Đồng hoặc đạt giải Nhất, Nhì, Ba được thưởng tiền như sau:

a) Được thưởng bằng mức tiền thưởng cá nhân, tập thể đạt Huy chương Vàng, Bạc, Đồng hoặc đạt giải Nhất, Nhì, Ba quy định tại điểm 7.1, 7.2, 7.3, 7.4 nêu trên;

b) Trường hợp giáo viên bồi dưỡng, huấn luyện viên, đạo diễn từ hai tập thể hoặc hai cá nhân trở lên đạt Huy chương Vàng, Bạc, Đồng hoặc đạt giải Nhất, Nhì, Ba quy định tại điểm 7.1, 7.2, 7.3, 7.4 nêu trên thì mức thưởng tiền tăng thêm được hưởng từ tập thể, cá nhân thứ hai trở đi bằng 1/2 mức thưởng chung và tổng mức tiền thưởng tối đa được hưởng không quá hai lần mức thưởng chung cao nhất;

c) Các trường hợp không thuộc đối tượng thưởng tiền tại điểm 7.5 khoản 7 Điều này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

7.6. Mức tiền thưởng đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số hoặc người khuyết tật gấp 1,5 lần mức tiền thưởng của cá nhân quy định tại điểm 7.1, 7.2, 7.3, 7.4 nêu trên; trường hợp cá nhân là người dân tộc thiểu số và là người khuyết tật gấp 2,0 lần mức tiền thưởng của cá nhân quy định tại điểm 7.1, 7.2, 7.3, 7.4 .”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Các nội dung khác của Quyết định số 113/2017/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh không sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này vẫn giữ nguyên.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày....tháng.....năm 2021.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Thi đua-Khen thưởng Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế-Bộ Nội vụ;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan thuộc Khối thi đua tỉnh;
- TT. HĐND các huyện, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông;
- VPUB: CVP, PCVP;
- Lưu: VT, VXNV. NY

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Quốc Nam